

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/02/2025.

V/v: Ly hôn và chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 296/2024/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2024, về việc: “Ly hôn và yêu cầu chia tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc M - sinh ngày 04/01/2003, có mặt.

Địa chỉ: ấp L, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Lương Minh T - sinh ngày 28/5/1994, có mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc M như sau:

Bà và ông Lương Minh T quen biết và tìm hiểu nhau vào năm 2022, đến năm 2023 thì cưới nhau, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G vào ngày 29/7/2024.

Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, những lúc say rượu ông T có hành vi bạo lực đối với bà, bóp cổ bà. Hiện vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa

và bà không còn tình cảm yêu thương ông Lương Minh T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lương Minh T.

Thời gian chung sống vợ chồng bà không có con chung.

Về tài sản chung: Gồm 10,5 chỉ vàng 24k là vàng cưới, sau đó mất 02 chỉ vàng 24k. Như vậy, còn lại 8,5 chỉ vàng 24k. Bà thừa nhận có giữ 8,5 chỉ vàng 24k nhưng từ khi về nhà cha mẹ sống đến nay bà đã bán hết 8,5 chỉ vàng 24k tiêu xài cá nhân.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng bà không có nợ chung.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Lương Minh T.

Về con chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của ông T.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lương Minh T trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Ngọc M về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung.

Nguyên vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Ngọc M.

Về con chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu chia đôi số vàng 8,5 chỉ vàng 24k (do bà M cất giữ) cho ông 1/2.

Về nợ chung: Ông cam đoan vợ chồng ông không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 07 tháng 02 năm 2025, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc M trình bày:

Về tài sản chung: Bà thừa nhận khi cưới cha mẹ chồng có cho vợ chồng bà 1 chỉ vàng 24k và người chị có cho 0,5 chỉ vàng 24k, tổng cộng bằng 10,5 chỉ vàng 24k. Bà có hỏi ý kiến ông T và bán 08 chỉ vàng 24k được 48.640.000đồng (giá vàng khi bán bằng 6.080.000đồng/chỉ) để mua chiếc xe honda hiệu Vario 125 với giá 45.500.000đồng, số tiền còn lại bà chi tiêu cá nhân hết, đối với 0,5 chỉ vàng 24k bà cũng bán và tiêu xài cá nhân hết. Bà đồng ý chia giá trị chiếc xe, không đồng ý chia vàng theo yêu cầu của ông T.

Bà tự định giá chiếc xe hiện tại giá trị còn lại bằng 30.000.000đồng, bà đồng ý giao cho ông T giá trị $\frac{1}{2}$ chiếc xe bằng 15.000.000đồng. Bà không yêu cầu Tòa án thẩm định giá chiếc xe vì bà tự định giá chiếc xe này bằng 30.000.000đồng.

Nguyên vọng:

Về tài sản chung: Bà yêu cầu Tòa án chia giá trị chiếc xe Vario 125 bằng 30.000.000đồng, không đồng ý chia vàng theo yêu cầu của ông T.

Bị đơn ông Lương Minh T có đơn yêu cầu chia tài sản chung và trình bày như sau:

Về tài sản chung: Ông thống nhất với trình bày của bà M là vợ chồng có 8,5 chỉ vàng 24k, khi vợ chồng ông ly thân bà M cầm hết số vàng 8,5 chỉ vàng 24k về nhà cha mẹ ruột, việc bà M nói bán vàng mua xe không có sự đồng ý của ông nên ông không đồng ý chia chiếc xe theo yêu cầu của bà M. Việc bà M tự định giá chiếc xe bằng 30.000.000đồng ông không có ý kiến gì vì ông yêu cầu chia vàng chứ không yêu cầu chia xe nên ông cũng không yêu cầu thẩm định giá giá trị chiếc xe trên.

Nguyên vọng:

Về tài sản chung: Ông không đồng ý chia đôi chiếc xe theo yêu cầu của bà M. Ông yêu cầu chia đôi 8,5 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Ngọc M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lương Minh T. Về con chung và nợ chung bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung bà M thống nhất chia cho ông T 20.000.000đồng là $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe, còn lại 0,5 chỉ vàng 24k bà đã bán để bồi bổ cơ thể do bị chồng bạo hành. Bà không đồng ý chia 8,5 chỉ vàng 24k theo yêu cầu của ông T.

Tại phiên tòa, ông Lương Minh T đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Ngọc M. Về con chung và nợ chung ông Lương Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung ông T yêu cầu chia đôi 8,5 chỉ vàng 24k, mỗi người 4,25 chỉ vàng 24k, yêu cầu bà M phải giao cho ông 4,25 chỉ vàng 24k, không đồng ý chia giá trị chiếc xe theo yêu cầu của bà M. Đối với việc ông bạo hành bà M và bà M có năm viện nhưng ông và mẹ ông là người nuôi bà M trong thời gian năm viện và ông đã trả toàn bộ viện phí nên bà M khai bán 0,5 chỉ vàng 24k để bồi bổ là không phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Ngọc M và ông Lương Minh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc M và ông Lương Minh T cưới nhau vào năm 2022, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Bà Nguyễn Ngọc M và ông Lương Minh T tự nguyện ly hôn với

nhau nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn của ông bà theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc M và ông Lương Minh T không có con chung nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc M và ông Lương Minh T đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Ngọc M và ông Lương Minh T đều thừa nhận vợ chồng ông bà có 8,5 chỉ vàng 24k do bà Nguyễn Ngọc M cất giữ. Bà M cho rằng khi vợ chồng bà ly thân bà có hỏi ý kiến ông T và bán 08 chỉ vàng 24k được 48.640.000đồng (giá vàng khi bán bằng 6.080.000đồng/chỉ) để mua chiếc xe honda hiệu Vario 125 với giá 45.500.000đồng, biển kiểm soát 68KA-056.72^(T), giấy đăng ký xe do bà Nguyễn Ngọc M đứng tên, bà tự đi mua xe một mình, chiếc xe này bà sử dụng từ lúc mua cho đến nay, số tiền bán vàng mua xe còn dư lại bà chi tiêu cá nhân hết. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 20/01/2025, bà M thừa nhận vợ chồng ông bà có tài sản chung là 8,5 chỉ vàng 24k do bà cất giữ và bà đã bán tiêu xài cá nhân hết không còn tài sản để chia, đến biên bản hòa giải ngày 07/02/2025 thì bà M mới khai bán vàng mua xe và tại phiên tòa bà M thừa nhận 8,5 chỉ vàng 24k là tài sản chung của vợ chồng do bà tự cất giữ từ lúc cưới đến lúc vợ chồng ly thân và bà không khai nhận việc bán vàng mua xe vì sợ chia chiếc xe không có phương tiện đi lại là chưa thỏa đáng. Mặt khác, ông T cho rằng việc bà M bán vàng mua xe không có hỏi ý kiến của ông và không được sự đồng ý của ông, sau khi vợ chồng ông bà ly thân số vàng này bà M vẫn còn cất giữ và tiền bà M mua xe không liên quan gì đến vàng cưới, bà M không có chứng cứ chứng minh việc ông T đồng ý cho bà bán vàng mua xe.

Điều 35 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung do vợ chồng thỏa thuận” nhưng bà M không chứng minh được việc vợ chồng ông bà đã thỏa thuận bán vàng mua xe nên không có cơ sở xác định chiếc xe Vario 125 biển kiểm soát 68KA-056.72^(T) hiện bà M đang sở hữu là tài sản chung của vợ chồng. Đối với 0,5 chỉ vàng 24k (còn lại) bà cũng bán để bồi bổ cơ thể là sử dụng vào mục đích cá nhân không phải mục đích chung của vợ chồng và không có sự đồng ý hay thỏa thuận với ông T. Về nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng theo Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi”, trong trường hợp này, tài sản chung là vàng cưới nên xét về công sức đóng góp của hai bên là như nhau, vì vậy, yêu cầu của ông T về việc chia đôi 8,5 chỉ vàng 24k là có cơ sở chấp nhận. Bà M không đồng ý chia đôi 8,5 chỉ vàng 24k mà yêu cầu chia

đôi giá trị chiếc xe Vario 125 bà đang sở hữu là chưa phù hợp và ông T không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Giá vàng 24k tại tiệm V, chợ G sáng ngày 21/02/2025 bằng 8.880.000đồng (giá mua vào) là cơ sở tính án phí.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Nguyễn Ngọc M phải nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0010039, ngày 28/11/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Ông Lương Minh T phải nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về án phí chia tài sản chung: Bà M phải nộp 1.887.000đồng (4,25 chỉ vàng 24k x 8.880.000đồng x 5%) nhưng được khấu trừ số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí còn lại theo biên lai thu số 0010039, ngày 28/11/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ông T phải nộp 1.887.000đồng (4,25 chỉ vàng 24k x 8.880.000đồng x 5%), nhưng được khấu trừ số tiền 850.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010100, ngày 20/01/2025, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, 55 và 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M.

Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Ngọc M và ông Lương Minh T.

Về tài sản chung: Chia đôi số vàng cưới 8,5 chỉ vàng 24k cho ông T và bà M mỗi người $\frac{1}{2}$, mỗi người được hưởng 4,25 chỉ vàng 24k. Buộc bà M có nghĩa vụ giao cho ông T 4,25 chỉ vàng 24k.

Về con chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc M phải nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu 0010039, ngày 28/11/2024, của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Ông Lương Minh T phải nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về án phí chia tài sản chung: Bà M phải nộp số tiền 1.887.000đồng nhưng được khấu trừ số tiền 150.000đồng tạm ứng án phí còn lại theo biên lai thu số 0010039, ngày 28/11/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ông T phải nộp số tiền 1.887.000đồng nhưng được khấu trừ số tiền 850.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010100, ngày 20/01/2025, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang